

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/DS-ST
Ngày: 30-11-2017
V/v “tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phú.
2. Bà Dương Thị Ngọc Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Minh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lâm Văn M - Sinh năm 1963 - Địa chỉ: ấp 4, xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trương Thị T - Sinh năm 1964 - Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An. (văn bản ủy quyền ngày 28/8/2017) (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Tuyết N - Sinh năm 1977 - Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An. (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trương Thị T - Sinh năm 1964 - Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An. (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2017, bản tự khai ngày 30/10/2017, nguyên đơn ông Lâm Văn M do bà Trương Thị T đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 01/11/2014, bà N mua xăng thiếu của ông M và hứa từ ngày mua đến ngày thanh toán không quá 15 ngày. Đến ngày 03/02/2015, sau khi chốt lại số nợ thì bà N còn nợ lại 1.285.000 đồng.

Nay ông M yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả cho ông 1.574.125 đồng, (trong đó: 1.285.000 đồng tiền gốc và 289.125 đồng tiền lãi); tiền lãi được tính như sau: $1.285.000 \text{ đồng} \times 0.75\%/\text{tháng} \times 30 \text{ tháng}$ (từ ngày 03/02/2015 đến 03/8/2017) = 289.125 đồng.

- Tại bản tự khai ngày 03/11/2017 bị đơn bà Trần Thị Tuyết N trình bày: Bà đồng ý toàn bộ yêu cầu của ông M. Bà đồng ý trả cho ông M tiền vốn và tiền lãi tổng cộng 1.574.125 đồng.

- Tại bản tự khai ngày 30/10/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị T trình bày: bà là vợ hợp pháp của ông M, cửa hàng xăng dầu do ông M đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vì vậy ông M khởi kiện bà N. Bà thống nhất việc khởi kiện của ông M, trong vụ án này bà không có yêu cầu độc lập.

Nguyên đơn ông M (do bà T đại diện hợp pháp), bị đơn bà N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông M, bà N và bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lâm Văn M khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” đối với bà Trần Thị Tuyết N có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn ông M (do bà T đại diện hợp pháp), bị đơn bà N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét đơn khởi kiện của ông M theo khoản 1 Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: bà N mua xăng của ông M nhiều lần, đến ngày 03/02/2015 chốt lại thì bà N còn nợ 1.285.000 đồng. Ngày 28/8/2017, ông M khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, bà N cũng thừa nhận số nợ là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét việc ông M yêu cầu bà N trả 1.574.125 đồng (trong đó: 1.285.000 đồng tiền gốc và 289.125 đồng tiền lãi) Hội đồng xét xử nhận định: ông M cho rằng giữa ông M và bà N thực hiện hợp đồng mua bán tài sản là xăng từ ngày 01/11/2014 đến 03/02/2015 chốt lại bà N còn nợ 1.285.000 đồng. Bà N nợ từ ngày 03/02/2015 đến tháng 8/2017 ông M khởi kiện là 30 tháng. Vì vậy, ông M yêu cầu tiền lãi 289.1250 đồng (lãi suất 0.75%/tháng). Bà N đồng ý trả toàn bộ tiền vốn và

tiền lãi theo yêu cầu của ông M, đây là sự tự nguyện của đương sự nên ghi nhận để buộc bà N có nghĩa vụ trả cho ông M 1.574.125 đồng là phù hợp quy định tại các Điều 280, 281, 283, 285, 290, 428, 429 và 483 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 trong việc tính lãi chậm thi hành án.

[6] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: ông M được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp. Bà N có nghĩa vụ trả cho ông M 1.574.125 đồng nên có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các 280, 281, 283, 285, 290, 428, 429 và 483 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 và Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn M về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” đối với bà Trần Thị Tuyết N.

Buộc bà Trần Thị Tuyết N có nghĩa vụ trả cho ông Lâm Văn M số tiền 1.574.125 đồng (một triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông M cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bà N còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Buộc bà Trần Thị Tuyết N chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Ông Lâm Văn M không phải chịu án phí. Trả lại cho ông M 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí (theo biên lai thu số 0008044 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Gái

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phú – Dương Thị Ngọc Trang

Trần Thị Gái